

**ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ VIỆC CẤP VÀ SỬ DỤNG  
HẠN MỨC ỨNG SỔ TIẾT KIỆM CÓ BẢO ĐẢM BẰNG TIỀN  
GỬI TIẾT KIỆM TẠI TPBANK (ỨNG SỔ TIẾT KIỆM)**

*(Ban hành theo Sản phẩm số...../2019/QĐ-TPB.NHCN  
ngày.....tháng.....năm 2019 của Tổng Giám đốc)*

*(Áp dụng cho giao dịch tại quầy và giao dịch trực tuyến eBank)*

**Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

1. **TPBank:** Là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong.
2. **Bên vay/KH:** Là công dân Việt Nam đáp ứng điều kiện của Sản phẩm Ứng sổ tiết kiệm, được TPBank cấp Hạn mức Ứng sổ tiết kiệm để thực hiện các giao dịch tại hệ thống của TPBank
3. **Tiền gửi tiết kiệm:** Là tiền gửi thuộc quyền sở hữu của Bên vay dưới hình thức Sổ tiết kiệm (STK) hoặc Tiết kiệm điện tử (TKĐT) mở tại TPBank.
4. **Cho vay theo hạn mức ứng sổ tiết kiệm đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm (HM USTK):** Là sản phẩm cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán, TPBank cung cấp cho Bên vay có bảo đảm bằng giá trị Sổ tiết kiệm hoặc Tài khoản tiết kiệm điện tử của Bên vay được mở tại TPBank, theo đó TPBank cho phép Bên vay được chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của Bên vay mở tại TPBank nhằm thực hiện mục đích tiêu dùng phục vụ đời sống. Bên vay phải trả lãi trên số tiền chi tiêu vượt quá và hoàn trả số tiền chi tiêu vượt quá này cho TPBank trong một thời hạn nhất định.
5. **Tài khoản thanh toán (TKTT):** Là tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam, do Bên vay là chủ tài khoản, mở tại TPBank để phục vụ cho các giao dịch của Bên vay được TPBank chấp nhận.
6. **Phương thức cấp Hạn mức ứng sổ tiết kiệm** Là cách thức mà theo đó TPBank cho vay theo hạn mức ứng sổ tiết kiệm cho Bên vay, thông qua quầy giao dịch tại các Đơn vị kinh doanh hoặc qua dịch vụ ngân hàng điện tử/trực tuyến eBank của TPBank.
7. **Tái tục:** Là hình thức quay vòng kỳ gửi tiếp theo tương ứng với kỳ hạn gửi tiền của Sổ tiết kiệm/Tài khoản Tiết kiệm điện tử.
8. **Mở Hạn mức Ứng sổ tiết kiệm (HM USTK):** Là số tiền tối đa TPBank chấp thuận nguyên tắc cho khách hàng đăng ký dựa trên tiền gửi tiết kiệm của chính khách hàng mở tại TPBank. Hạn mức này chưa có giá trị sử dụng tại thời điểm Khách hàng đăng ký.
9. **Kích hoạt hạn mức Ứng sổ tiết kiệm:** Là số tiền tối đa TPBank chấp thuận cho khách hàng chi/sử dụng vượt quá số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng, được bảo đảm bằng tiền gửi tiết kiệm của khách hàng mở và phong tỏa tại TPBank. Sau khi kích hoạt, hạn mức ứng sổ tiết kiệm sẽ có giá trị sử dụng.
10. **Phương thức kích hoạt hạn mức Ứng sổ tiết kiệm:** là cách thức mà theo đó TPBank cho phép Khách hàng kích hoạt hoặc điều chỉnh hạn mức Ứng sổ tiết kiệm thông qua ngân hàng trực tuyến eBank của TPBank hoặc làm đề nghị kích hoạt tại quầy giao dịch của TPBank.
11. **Số tiền thấu chi:** Là số tiền mà Bên vay sử dụng vượt số dư Có trên Tài khoản thanh toán của Bên vay, không bao gồm các khoản lãi phát sinh từ việc sử dụng vượt số dư Có.
12. **Thời hạn hiệu lực của HM USTK:** Xác định kể từ ngày TPBank thực hiện cấp hạn mức HM USTK trên tài khoản thanh toán của Bên vay. HM USTK tự động hết hiệu lực khi STK/TKTK bảo đảm cho hạn mức HM USTK này được tất toán. Trong thời hạn hiệu lực của Hạn mức, Bên vay có thể thực hiện giao dịch thấu chi nhiều lần. Khi thời hạn hiệu lực của HM USTK kết thúc, Bên vay có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền thấu chi, lãi, phí phát sinh cho TPBank
13. **TGTK bảo đảm:** Là STK/TKTK (loại tiền VND, USD, EUR) có kỳ hạn từ một (01) tháng trở lên có chỉ thị tái tục gốc hoặc tái tục gốc lãi và Bên vay sử dụng đăng ký mở HM USTK

Bên vay đồng ý cho TPBank tạm dừng chuyển chỉ thị tái tục gốc hoặc tái tục gốc lãi, đồng ý cho TPBank phong tỏa/ tạm khóa (tạm dừng giao dịch) trong suốt thời hạn hiệu lực của HM USTK để bảo đảm cho HM USTK và các nghĩa vụ khác phát sinh của Bên vay đối với TPBank

14. **Tài sản bảo đảm (TSBD):** Là TGTK bảo đảm ở Khoản 13 được phong tỏa và nhập kho (với STK) bảo đảm cho HM USTK và các nghĩa vụ khác phát sinh của Bên vay đối với TPBank
15. **Giá trị TSBD:** Là mệnh giá của TGTK bảo đảm mà Bên vay gửi tại TPBank
16. **Phong tỏa TSBD:** Là việc TPBank tạm dừng mọi giao dịch trên toàn bộ số dư tiền gửi tiết kiệm đảm bảo cho HM USTK
17. **Dịch vụ ngân hàng điện tử/trực tuyến (eBank):** Là ứng dụng của TPBank được cài đặt trên thiết bị điện tử có nối mạng (internet, điện thoại di động (mobile)... ) cho phép Bên vay thực hiện truy cập vào cơ sở dữ liệu của TPBank để mua bán hàng hóa, sử dụng dịch vụ do TPBank cung cấp theo thỏa thuận với TPBank. Để sử dụng eBank, Bên vay phải thỏa thuận sử dụng dịch vụ với TPBank và chấp thuận những điều khoản, điều kiện giao dịch eBank do TPBank quy định.
18. **Mở HM USTK trên eBank:** Là việc Bên vay sử dụng eBank để đăng ký, điều chỉnh HM USTK với TPBank, được thực hiện thông qua việc Bên vay sử dụng Chữ ký điện tử để đăng nhập, thực hiện và xác nhận giao dịch với TPBank trên eBank. Các giao dịch trên eBank của TPBank và Bên vay ngoài việc phải tuân thủ các quy định tại Hợp đồng này, còn đồng thời phải tuân thủ quy định về eBank và quy định khác có liên quan của TPBank và của pháp luật.
19. **Kích hoạt HM USTK trên eBank:** Là việc Bên vay sử dụng eBank để kích hoạt, điều chỉnh HM USTK với TPBank, được thực hiện thông qua việc Bên vay sử dụng Chữ ký điện tử để đăng nhập, thực hiện và xác nhận giao dịch với TPBank trên eBank. Các giao dịch trên eBank của TPBank và Bên vay ngoài việc phải tuân thủ các quy định tại Hợp đồng này, còn đồng thời phải tuân thủ quy định về eBank và quy định khác có liên quan của TPBank và của pháp luật.
20. **Tài khoản đăng nhập:** Là mã số bí mật cá nhân, gồm Tên truy cập (User) và Mật khẩu truy cập (Password) do TPBank cấp cho Bên vay, được Bên vay sử dụng khi đăng nhập để thực hiện các Giao dịch đăng ký và sử dụng HM USTK với TPBank. Mật khẩu truy cập có thể được cung cấp thông qua các thiết bị như thẻ mật khẩu, Token key, thiết bị khác và/hoặc các cách thức khác theo các ứng dụng được TPBank áp dụng trong từng thời kỳ.
21. **Chứng từ điện tử:** Là các hợp đồng, điều kiện, điều khoản, đề nghị, xác nhận, lệnh thanh toán, chuyển tiền, dữ liệu điện tử ghi nhận giao dịch đăng ký và cấp HM USTK trên tài khoản thanh toán của Bên vay, các giao dịch khác và chứng từ điện tử khác theo quy định của pháp luật được in từ hệ thống eBank của TPBank sau khi đã có đủ các chữ ký điện tử hữu quyền khi các bên thực hiện Giao dịch đăng ký và sử dụng HM USTK trên eBank. TPBank và Bên vay thực hiện việc lập, sử dụng, kiểm soát, xử lý, bảo quản và lưu trữ chứng từ điện tử theo các quy định hiện hành của pháp luật.
22. **Chứng từ giấy:** Là các hợp đồng, điều kiện, điều khoản, thỏa thuận, đề nghị, xác nhận, lệnh thanh toán, chuyển tiền, phiếu xác nhận, hồ sơ, chứng từ, văn bản khác được TPBank và Bên vay xác lập trực tiếp trên giấy khi thực hiện Giao dịch tại quầy giao dịch của TPBank.

## **Điều 2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO DỊCH**

1. TPBank và Bên vay xác lập Điều kiện, điều khoản này để thực hiện đăng ký và sử dụng HM USTK được TPBank cung cấp và Bên vay chấp nhận sử dụng trong từng thời kỳ. Điều kiện, điều khoản này thiết lập các nguyên tắc và thỏa thuận chung về việc cung cấp và sử dụng HM USTK giữa TPBank và Bên vay; các Giao dịch cụ thể giữa hai bên được xác lập, thực hiện và ghi nhận bằng chứng từ giấy (khi tiến hành giao dịch tại quầy giao dịch của TPBank) và/hoặc chứng từ điện tử (khi tiến hành giao dịch trên eBank). Các chứng từ giấy và/hoặc chứng từ điện tử đó là một phần không tách rời của Điều kiện, điều khoản này.

2. Phương thức đăng ký, điều chỉnh, tất toán HM USTK: Hai bên thoả thuận bằng một, một số hoặc tất cả các phương thức sau đây:
  - Quầy giao dịch tại các Đơn vị kinh doanh của TPBank
  - eBank
  - Phương thức khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và Bên vay chấp thuận sử dụng.
3. Phương thức kích hoạt sử dụng, điều chỉnh và sử dụng HM USTK: Hai bên thoả thuận bằng một, một số hoặc tất cả các phương thức sau đây:
  - Quầy giao dịch tại các Đơn vị kinh doanh của TPBank
  - eBank;
  - Phương thức khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và Bên vay chấp thuận sử dụng.
4. Để giao dịch với TPBank theo Phương thức giao dịch quy định tại Khoản 2, Khoản 3 của Điều này, Bên vay có nghĩa vụ mở tài khoản thanh toán tại TPBank, đăng ký sử dụng dịch vụ eBank của TPBank (nếu Bên vay sử dụng phương thức giao dịch trên eBank) và chấp nhận những điều khoản/điều kiện và những rủi ro của phương thức giao dịch này theo quy định của TPBank và của pháp luật.

Các điều kiện, điều khoản, thỏa thuận về eBank giữa TPBank và Bên vay là một phần không tách rời của Điều kiện, điều khoản này trong trường hợp TPBank và Bên vay thực hiện giao dịch trên eBank.

### **Điều 3. NGUYÊN TẮC XÁC LẬP VÀ CUNG CẤP HM USTK**

1. Đối với giao dịch tại quầy: Giao dịch giữa hai bên được xác lập, thực hiện và ghi nhận thông qua việc ký kết các chứng từ giấy.
2. Đối với giao dịch eBank:
  - a) TPBank được coi là nhận được yêu cầu đăng ký sử dụng HM USTK hoặc chỉ thị, yêu cầu khác của Bên vay khi Bên vay đã đăng nhập vào eBank của TPBank bằng Chữ ký điện tử, đăng nhập vào hệ thống thông tin của TPBank trên eBank và đưa ra các yêu cầu, đề nghị, chỉ thị có liên quan đến HM USTK theo đúng trình tự, thủ tục, hướng dẫn của TPBank trên ebank. TPBank kiểm tra tính xác thực của Giao dịch bằng việc kiểm tra Chữ ký điện tử và các yếu tố định danh khác.
  - b) Các chấp nhận giao dịch đăng ký và sử dụng HM USTK chỉ hợp pháp, hợp lệ, được xác định và thừa nhận khi: (i) Bên vay sử dụng Chữ ký điện tử để truy cập và thực hiện giao dịch liên quan đến HM USTK theo đúng trình tự, thủ tục, hướng dẫn của TPBank; (ii) có đầy đủ các nội dung theo quy định của TPBank và của pháp luật về chứng từ kế toán; (iii) Bên vay có đủ số dư tiền gửi trên STK/TKTK để đảm bảo cho HM USTK đề xuất TPBank cấp theo quy định của TPBank; (iv) các điều kiện khác do TPBank quy định (nếu có). TPBank sẽ từ chối thực hiện đối với các yêu cầu, đề nghị, chỉ thị của Bên vay không hợp pháp, hợp lệ.
3. Số liệu, nội dung trên chứng từ giấy và/hoặc chứng từ điện tử là bằng chứng xác nhận các Giao dịch được thực hiện và xác lập giữa hai bên.

#### **Điều 4. ĐIỀU KIỆN CẤP VÀ ĐIỀU CHỈNH HM USTK**

1. Giá trị HM USTK được TPBank cấp theo đề xuất của Bên vay dựa trên nhu cầu vay vốn và giá trị TGTK của Bên vay gửi tại TPBank. Giá trị HM USTK cấp phải nhỏ hơn hoặc bằng 80% giá trị TGTK nhưng tối đa không vượt quá 1 tỷ đồng/khách hàng hoặc theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ..
2. HM USTK được điều chỉnh tăng khi Bên vay có nhu cầu vay vốn bổ sung đồng thời Bên vay bổ sung thêm TGTK bảo đảm mở tại TPBank và Bên vay có đề nghị với TPBank thông qua Quầy giao dịch hoặc eBank.
3. HM USTK của Bên vay được TPBank tự động điều chỉnh giảm tương ứng khi các STK/TKTK được giải tỏa/ tất toán hoặc khi TPBank quyết định chấm dứt và thu hồi nợ trước hạn;
4. HM USTK chỉ được cấp trên TKTT của KH mở tại TPBank mà chưa được cấp khoản vay thấu chi nào khác. Trường hợp Bên vay không có TKTT đáp ứng điều kiện, Bên vay đồng ý cho TPBank tự động mở một TKTT để cấp HM USTK. Bên vay xác nhận đã đọc, hiểu rõ và chấp thuận “Điều khoản và điều kiện sử dụng TKTT tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong”. Việc Bên vay đồng ý để TPBank mở TKTT cấp HM USTK theo quy định tại Khoản này được thể hiện thông qua các hình thức sau:
  - a) Bên vay ký xác nhận trên các Chứng từ giao dịch cấp HM USTK nếu đăng ký tại quầy, hoặc;
  - b) Bên vay đăng nhập vào eBank của TPBank bằng Chữ ký điện tử, đăng nhập vào hệ thống thông tin của TPBank trên eBank và đưa ra các yêu cầu, đề nghị, chỉ thị có liên quan đến HM USTK theo đúng trình tự, thủ tục, hướng dẫn của TPBank trên ebank.
5. Thời hạn phong tỏa TGTK được bắt đầu từ ngày ký hợp đồng này và kết thúc khi Bên vay hoàn thành đầy đủ tất cả các nghĩa vụ đối với TPBank

#### **Điều 5. THANH TOÁN GỐC VÀ LÃI HM USTK**

1. Số tiền thấu chi có thể được thanh toán một phần hoặc toàn bộ hàng tháng. HM USTK phải được tất toán khi chấm dứt HM USTK hoặc STK/TKTK bảo đảm cho HM USTK được tất toán.
2. Vào cuối ngày làm việc, nếu TKTT của Bên vay có số dư Có, TPBank tự động thu theo trình tự sau: Số tiền thấu chi, lãi thấu chi của Hợp đồng này và các khoản phải trả đến hạn khác tại TPBank cho đến khi hết số dư Có.
3. Bên vay phải thanh toán đầy đủ, đúng hạn toàn bộ số tiền thấu chi và số tiền lãi phát sinh từ HM USTK khi đến hạn thanh toán hoặc khi tất cả các STK/TKTK bảo đảm được phong tỏa bảo đảm cho khoản vay được giải tỏa. Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
4. Bên vay được cấp HM USTK bằng loại tiền nào thì trả nợ (số tiền thấu chi, lãi) bằng loại tiền đó.
5. Trường hợp ngày phải trả nợ trùng với ngày chủ nhật, ngày nghỉ, ngày lễ hoặc bất kỳ ngày nào mà TPBank không làm việc, thì ngày liền kề trước ngày nghỉ sẽ là ngày đến hạn trả nợ và lãi được tính cho tới ngày thực trả theo lịch trả nợ.

#### **Điều 6. LÃI SUẤT, PHƯƠNG THỨC TÍNH LÃI VÀ PHÍ**

1. Thời điểm bắt đầu trả lãi là kể từ ngày phát sinh giao dịch rút tiền từ HM USTK (gọi tắt là thấu chi). Số tiền lãi thấu chi được thu hàng tháng định kỳ vào ngày 25 (ngày thanh toán lãi thấu chi).
  - Số tiền lãi thấu chi phải trả được tính theo công thức:  
***Số tiền lãi phải trả = số tiền thấu chi thực tế x số ngày thấu chi thực tế sử dụng x lãi suất thấu chi/365 ngày***
  - Số ngày thấu chi thực tế sử dụng: Là khoảng thời gian được tính từ ngày phát sinh giao dịch thấu chi đến ngày Bên vay thanh toán hết toàn bộ dư nợ thấu chi (Số tiền thấu chi, lãi thấu chi) cho TPBank
2. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn do TPBank quy định tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

3. Bên vay phải thanh toán cho TPBank các loại phí dịch vụ theo quy định của TPBank từng thời kỳ liên quan tới việc sử dụng HM USTK được cấp theo Hợp đồng này. Phí đã thu sẽ không được TPBank hoàn lại cho Bên vay vì bất cứ lý do gì.

#### **Điều 7. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHO HM USTK**

1. Bên vay cầm cố/thế chấp cho TPBank các TSBĐ là STK/TKTK thuộc sở hữu của Bên vay được xác định tại các Đề nghị kiêm Hợp đồng cấp/điều chỉnh hạn mức thấu chi tài khoản của Bên vay với TPBank tại Quầy giao dịch/ theo các yêu cầu, đề nghị, chỉ thị của Bên vay có liên quan đến HM USTK theo đúng trình tự, thủ tục, hướng dẫn của TPBank trên eBank, để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên vay đối với TPBank và chấp thuận vô điều kiện cho TPBank thực hiện phong tỏa TSBĐ bảo đảm cho HM USTK trên hệ thống của TPBank kể từ ngày Điều kiện, điều khoản này có hiệu lực.
2. Yêu cầu đối với STK/TKTK được nhận bảo đảm cho HM USTK tại TPBank:
  - a) Loại tiền: VND, USD, EUR
  - b) Kỳ hạn từ 01 tháng trở lên
  - c) STK/TKTK thuộc loại tự động tái tục. Trường hợp không phải là STK/TKTK tái tục, Bên vay chấp thuận đồng ý cho TPBank hạch toán chuyển sang loại STK/TKTK tự động tái tục. Tài khoản trả lãi và gốc của STK/TKTK là TKTT sử dụng HM USTK của Bên vay
3. Số tiền thấu chi thực tế và tiền lãi thấu chi, phí phát sinh phải nhỏ hơn hoặc bằng trị giá HM USTK cấp cho Bên vay.
4. Thời hạn bảo đảm được bắt đầu từ ngày ký Điều kiện điều khoản này và kết thúc khi Bên vay hoàn thành đầy đủ tất cả các nghĩa vụ đối với TPBank.
5. Việc áp dụng tỷ giá ngoại tệ quy đổi để xác định tỷ lệ giữa số tiền thấu chi và giá trị TSBĐ do TPBank quyết định theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm đầu ngày định giá.
6. Trường hợp loại tiền cấp HM USTK khác với loại tiền được dùng để xác định giá trị TSBĐ, nếu do thay đổi về tỷ giá ngoại tệ/ dẫn đến việc số tiền thấu chi vượt quá giá trị TSBĐ hoặc khi (Dư nợ HM USTK cộng (+) Lãi dự thu)/ Giá trị TSBĐ từ 95% trở lên thì TPBank có quyền:
  - Thực hiện tất toán toàn bộ TSBĐ đang bảo đảm cho HM USTK và Thu hồi nợ trước hạn.
  - Nếu số tiền thu được từ việc xử lý TSBĐ không đủ để trả nợ, Bên vay phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với TPBank.
7. TSBĐ sẽ được phong tỏa trong suốt thời hạn Bên vay đăng ký và sử dụng HM USTK. Trước và trong suốt thời hạn bảo đảm, Bên vay không được thực hiện việc chuyển quyền sở hữu, chuyển đổi, chuyển nhượng, mua bán, tặng, cho, cầm cố ... hoặc bất kỳ giao dịch nào khác liên quan đến TSBĐ mà không được sự đồng ý của TPBank. STK của Bên vay sẽ được nhập kho theo quy định của TPBank.
8. Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo HM USTK và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của Bên vay theo Đề nghị cấp/ Điều chỉnh hạn mức Ứng số tiết kiệm và/hoặc Điều kiện điều khoản này, TPBank có toàn quyền tự động xử lý TSBĐ bằng cách bán TSBĐ, nhận chính TSBĐ để thay thế cho một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của Bên vay tại TPBank hoặc phương thức khác theo toàn quyền quyết định của TPBank. Trong trường hợp này, TPBank được tự động giải tỏa và tất toán TSBĐ để thu hồi nợ theo các phương thức nêu trên. Bằng Điều kiện điều khoản này, Bên vay đồng ý ủy quyền toàn bộ, vô điều kiện và không hủy ngang cho TPBank trong việc thực hiện bất kỳ hoạt động nào mà TPBank cho là cần thiết để xử lý TSBĐ thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc xử lý TSBĐ, sau khi trừ đi chi phí xử lý TSBĐ được TPBank sử dụng để thu hồi các khoản nợ lãi (quá hạn, trong hạn), tiền phạt, nợ gốc, chi phí khác mà Bên vay còn nợ TPBank, nếu thừa sẽ được TPBank trả lại cho Bên vay phần thừa, nếu thiếu thì Bên vay phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả số nợ còn lại cho TPBank.

9. TSBĐ được giải tỏa và STK được xuất kho trả lại Bên vay khi Bên vay đề nghị chấm dứt sử dụng HM USTK đồng thời chấm dứt nghĩa vụ tín dụng với TPBank hoặc khi Bên vay đề nghị tất toán STK/TKTK đang đảm bảo cho HM USTK và đáp ứng điều kiện số tiền thấu chi thực tế không vượt quá giá trị bảo đảm của TSBĐ theo quy định của TPBank hoặc khi được TPBank giải tỏa để xử lý, thu hồi nợ theo quy định tại khoản 8 Điều này.

#### **Điều 8. CHẤM DỨT HM USTK VÀ THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN**

1. TPBank toàn quyền đơn phương chấm dứt HM USTK và thu hồi nợ trước hạn theo một trong các trường hợp sau:
- Khi tất cả các STK/TKTK đảm bảo cho HM USTK được tất toán;
  - Bên vay không đồng ý (bằng văn bản) với lãi suất, phí thay đổi do TPBank quy định;
  - Bên vay vi phạm các quy định về sử dụng tài khoản, quy định về cho vay, về dịch vụ ngân hàng điện tử của Nhà nước, Pháp luật và TPBank ban hành từng thời kỳ
  - Bên vay có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của TPBank là có ảnh hưởng đến phần lớn tài sản của Chủ tài khoản;
  - Bên vay vi phạm bất kỳ nội dung nào của Điều kiện, điều khoản này với TPBank;
  - Bên vay có một hoặc một số khoản vay chuyển sang nợ quá hạn và có nguy cơ không có khả năng trả nợ;
  - Bên vay chết, mất tích, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
  - Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào;
  - Việc thông báo, nhắc nợ được thực hiện bằng việc gửi văn bản, nhắn tin, gọi điện thoại vào máy di động, máy cố định của Bên vay và/hoặc các cách thức khác theo toàn quyền quyết định của TPBank.
2. Việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự: phí/các khoản phải trả khác (nếu có), lãi thấu chi quá hạn, lãi thấu chi trong hạn, số tiền thấu chi.

#### **Điều 9. CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN VÀ TÍNH LÃI QUÁ HẠN**

1. Khi đến ngày thanh toán số tiền gốc và lãi thấu chi (kể cả trường hợp thu hồi nợ trước hạn), nếu Bên vay không trả hết số tiền thấu chi phải trả đúng hạn và không được TPBank cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì toàn bộ số tiền thấu chi bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất thấu chi quá hạn. Trong trường hợp TPBank thu hồi trước hạn các khoản nợ chưa thanh toán của Bên vay, sau 10 (mười) ngày kể từ ngày TPBank có Thông báo thu hồi nợ trước hạn mà Bên vay không thanh toán đủ nợ, toàn bộ số tiền thấu chi bị chuyển sang nợ quá hạn và chịu mức lãi suất quá hạn.
2. Khi số tiền thấu chi của KH bị vượt quá HM USTK được cấp, thì Bên vay sẽ phải chịu mức phạt vi phạm do vượt hạn mức bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền thấu chi bị vượt quá hạn mức kể từ thời điểm HM USTK bị vượt hạn mức.
3. Sau khi chuyển nợ quá hạn, TPBank có quyền thực hiện các biện pháp theo Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ (bao gồm: số tiền thấu chi, lãi thấu chi trong hạn, lãi thấu chi quá hạn và các khoản phải trả khác).

#### **Điều 10. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN VAY**

1. Sử dụng số tiền vay TPBank thông qua HM USTK vào mục đích vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống hợp pháp theo quy định của Pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật.
2. Bên vay có trách nhiệm đảm bảo có đầy đủ khả năng tài chính để trả nợ khoản vay theo HM USTK tại TPBank.
3. Bên vay cam kết sử dụng HM USTK đúng mục đích tiêu dùng, không sử dụng HM USTK vào các mục đích trái pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý trong việc sử dụng HM USTK trái

với mục đích được cho phép. TPBank không chịu trách nhiệm về tính xác thực và hợp pháp của mục đích sử dụng tiền thuộc hạn mức của Bên vay.

4. Bên vay có trách nhiệm tự kiểm tra số dư trên TKTT của Bên vay. Nếu Bên vay thực hiện giao dịch vượt số dư Có trên TKTT thì xem như Bên vay đồng ý sử dụng HM USTK do TPBank ngay khi phát sinh giao dịch có sử dụng HM USTK.
5. Bên vay cam kết không sử dụng STK/TKTK đang được phong tỏa tại TPBank để đảm bảo cho khoản HM USTK của Bên vay trong bất kỳ giao dịch cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng..... nào và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật và TPBank nếu vi phạm cam kết này.
6. Thông báo kịp thời với TPBank khi phát hiện thấy sai sót, nhầm lẫn trong quá trình sử dụng HM USTK hoặc HM USTK trên tài khoản của mình bị lợi dụng.
7. Hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho TPBank theo yêu cầu của TPBank đối với các khoản mà Khách hàng rút thừa, rút quá HM USTK được cấp. Đồng ý để TPBank tự động trích các khoản tiền này mà không cần thông báo cho Bên vay.
8. Công nhận các chứng từ liên quan đến giao dịch do hệ thống quản lý của TPBank và/hoặc do TPBank ghi nhận và cung cấp (kể cả các giao dịch đó không phải do Bên vay thực hiện).
9. Hoàn trả số tiền đã sử dụng theo HM USTK được cấp cho TPBank khi đến hạn thanh toán hoặc khi TPBank thu hồi nợ trước hạn theo quy định.
10. .
11. Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều kiện, điều khoản này và của pháp luật.

#### **Điều 11. CÁC THỎA THUẬN KHÁC**

1. Bên vay và TPBank cam kết thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các điều khoản đã quy định trong Điều kiện, điều khoản này và các quy định có liên quan của pháp luật. Trong quá trình thực hiện Điều kiện, điều khoản này, nếu có vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc, giải quyết với tinh thần hợp tác, tương trợ, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến Điều kiện, điều khoản này mà các bên không thể tự giải quyết được, tranh chấp sẽ được chuyển sang Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.
2. Bên vay xác nhận đồng ý và chấp thuận tất cả các nội dung của Điều kiện, điều khoản này bằng việc ký trên Đề nghị kiêm Hợp đồng cấp/điều chỉnh hạn mức thấu chi tài khoản gửi TPBank hoặc khi Bên vay sử dụng Chữ ký điện tử để đăng nhập vào ứng dụng eBank của TPBank và chấp nhận các Điều kiện, điều khoản này./.

Ngày.....tháng.....năm.....

Khách hàng

(ký và ghi rõ họ tên)